

Số: *Ma*/TB-HĐQT

Trà Vinh, ngày *12* tháng *4* năm 2019

## **THÔNG BÁO**

### **Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019**

Kính gửi: Cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh trân trọng thông báo và kính mời cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

1. Thời gian: 13 giờ 00, ngày 25/04/2019.
2. Địa điểm: **Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**  
*Địa chỉ: Số 521B, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh.*
3. Đối tượng tham dự: Cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh hoặc người được ủy quyền.
4. Nội dung chính của Đại hội: *(Xem chi tiết nội dung chương trình kèm theo)*
5. Tài liệu Đại hội: được đăng tải trên website Công ty: [www.trawaco.com.vn](http://www.trawaco.com.vn)
6. Xác nhận tham dự Đại hội: Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi và chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng đăng ký xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền (theo mẫu gửi kèm), gửi về văn phòng Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh trước 16h00 ngày 22/04/2019 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Địa chỉ: số 521B, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840215

Fax: (0294) 3850656

Liên hệ: Đặng Thị Bích Thủy

Điện thoại: (0294)3840268

Email: [trawacotv@gmail.com](mailto:trawacotv@gmail.com)

Cổ đông tham dự Đại hội có mặt tại địa điểm tổ chức Đại hội vào lúc 13 giờ và xin vui lòng mang theo Giấy mời họp; CMND/hộ chiếu (bản gốc). Đối với trường hợp người được ủy quyền, đề nghị mang theo Giấy ủy quyền (bản gốc) và CMND/hộ chiếu (bản gốc) của người ủy quyền.

**Trân trọng kính mời!**

#### **Nơi nhận**

- Như kính gửi;
- Website của Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Trương Công Chiêm**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Ngày 25 tháng 04 năm 2019



**Thời gian:** Bắt đầu vào lúc 13 giờ 00 phút, Thứ năm, ngày 25/04/2019.

**Địa điểm:** Số 521B, Nguyễn Chí Thanh, khóm 3, Phường 6, TP Trà Vinh.

<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG</b>
12h30 - 13h00'	<b>Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đón tiếp các cổ đông và đại biểu</li><li>- Cổ đông đăng ký và nhận tài liệu</li></ul>
13h00 - 14h00'	<b>Khai mạc đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu</li><li>- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông</li><li>- Chủ tọa chỉ định nhân sự tham gia điều hành Đại hội và 02 người làm Thư ký Đại hội</li><li>- Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu</li><li>- Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội</li><li>- Thông qua chương trình Đại hội</li></ul>
14h00' - 15h00'	<b>Nội dung đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018</li><li>- Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2018</li><li>- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018</li><li>- Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018</li><li>- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019</li><li>- Tờ trình thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.</li><li>- Tờ trình thông qua thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2019.</li><li>- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ công ty.</li></ul>
15h00 - 15h15'	<b>Nghỉ giải lao</b>
15h15' - 16h30	<b>Nội dung đại hội (tiếp theo)</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đại hội thảo luận về nội dung các tờ trình</li><li>- Chủ tọa đoàn trả lời các câu hỏi mà cổ đông quan tâm</li><li>- Đại hội thảo luận và bỏ phiếu biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình.</li><li>- Báo cáo kết quả bỏ phiếu biểu quyết các tờ trình.</li></ul>
16h30 - 17h	<b>Tổng kết Đại hội</b>





	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Biên bản Đại hội.</li><li>- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</li><li>- Bế mạc đại hội</li></ul>
--	---

**Ghi chú:**

- Ngày đăng ký cuối cùng tham dự đại hội thường niên năm 2019: Ngày 5/4/2019
- Ngày TT Lưu ký chứng khoán TP HCM phát hành danh sách cổ đông: Ngày 9/4/2019 (không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ).
- Ngày gửi thư mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: Ngày 12/04/2019 (chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc).
- Ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: Ngày 25/04/2019



**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**GỬI WEBSITE VÀ PHO TO PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐCĐ 2019**

1. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
2. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3. Danh mục tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
4. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
5. Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018  
(Báo cáo về việc quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018)
6. Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2018.
7. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (kèm báo cáo).
8. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018.
9. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
10. Tờ trình thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
11. Tờ trình thông qua thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2019.
12. Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (kèm Điều lệ).
13. Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
14. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
15. Thẻ biểu quyết (hình thức giơ thẻ).
16. Phiếu biểu quyết nội dung các tờ trình (hình thức bỏ phiếu).



Số: /QC-CTN

Trà Vinh, ngày tháng 04 năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Dự thảo

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12;

Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/11/2016.

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung chính như sau:

**I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:**

Các Cổ đông/Người nhận ủy quyền của Cổ đông khi đến tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp. Các nội dung chính cần Đại hội thảo luận và biểu quyết bao gồm:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Ban Kiểm phiếu biểu quyết của đại hội.

- Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm: Thông qua báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018; Phương án thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2018; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2019; Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2019; Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, Mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách, thư ký năm 2019; và các vấn đề khác.

- Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.



Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

## **II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:**

### **1. Đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện để tổ chức Đại hội:**

#### **1.1. Điều kiện tham dự Đại hội**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh theo danh sách chốt đến ngày ...../04/2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

#### **1.2. Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội**

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;

- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận Tài liệu Đại hội,

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:

- Thẻ biểu quyết (*Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)*)

- Phiếu biểu quyết (*Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến)*)

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

#### **1.3. Điều kiện để tổ chức Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày ...../04/2019.



## **2. Ban tổ chức Đại hội**

### **2.1. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông**

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông:

✚ Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

✚ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

✚ Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

✚ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

### **2.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày ...../04/2019;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

### **2.3. Ban Thư ký Đại hội**

- Ban Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

- Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

✚ Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

✚ Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

✚ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

### **2.4. Ban Kiểm phiếu biểu quyết**

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết có nhiệm vụ:



✦ Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

✦ Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

### **3. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.**

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;
- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy đề chuyển cho Ban thư ký tập hợp.

### **4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.**

#### **4.1. Thể lệ biểu quyết**

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

❖ Hình thức biểu quyết: Có 2 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu

- Giơ thẻ: Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu, Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Bỏ phiếu: Biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

❖ Cách thức biểu quyết:

♦ Giơ thẻ: theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội, cổ đông lần lượt biểu quyết ý kiến: (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa. Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết cả 3 hình thức lấy ý kiến trên được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

♦ Bỏ phiếu:

Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu "X" vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến). Những cổ đông không chọn phương án biểu quyết nào đối với 01 vấn đề được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.



Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

#### **4.2 Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội**

Cổ đông, đại diện cho cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cho cổ đông dự Đại hội chấp thuận.

#### **5. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên**

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh và sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Trương Công Chiếm**

Trà Vinh, ngày 10 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ VIỆC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 15/11/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2016 của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc quản trị điều hành công ty năm 2018 như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
- Tên viết tắt: TRAWACO
- Mã cổ phiếu: TVW
- Địa chỉ: Số 521B, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Tp Trà Vinh tỉnh Trà Vinh
- Số điện thoại: (0294) 3840215
- Số fax: (0294) 3850656
- Website: [www.trawaco.com.vn](http://www.trawaco.com.vn)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100119570
- Vốn điều lệ: 145.978.600.000 đồng; số lượng cổ phần 145.978.600 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

#### Trong đó:

- + Vốn cổ đông là nhà nước: 120.196.600.000 đồng, chiếm tỉ lệ 82,34 %
- + Vốn cổ đông khác tham gia Công ty cổ phần là 25.782.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 17,66 %



## 2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước; Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước; Thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước; Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ; Dịch vụ thoát nước cộng đồng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước.

Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là quản lý sản xuất, phân phối nước sạch và bảo dưỡng hệ thống thoát nước.

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý :

Căn cứ Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh thông qua ngày 15/11/2016. Công ty cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc.

## II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

### 1. Thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	Cổ phần đại diện UBND tỉnh Trà Vinh	5.255.985	36,00%
2	Nguyễn Văn Quý	TV HĐQT, Phó TGD	Cổ phần cá nhân sở hữu Cổ phần đại diện UBND tỉnh Trà Vinh	10.600 3.454.827	0,072% 23,67%
3	Trương Hoàng Diệp	TV HĐQT, Phó TGD	Cổ phần cá nhân sở hữu Cổ phần đại diện UBND tỉnh Trà Vinh	2.100 3.308.848	0,014% 22,67%
4	Phạm Hữu Ba	TV HĐQT, Trưởng Phòng KH-KT	Cổ phần cá nhân sở hữu	2.300	0,016%
5	Huỳnh Văn Nhân	TV HĐQT	Cổ phần đại diện Công ty cổ phần nước và môi trường Đồng Bằng	1.459.854	10,00%

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

## 2.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT	6/6	100%
3	Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT	6/6	100%
4	Phạm Hữu Ba	Thành viên HĐQT	3/3 (*)	100%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	6/6	100%

(\*) Do Ông Phạm Hữu Ba được bầu vào làm thành viên HĐQT kể từ ngày 28/06/2018

## 2.2. Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2018

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	02/02/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thống nhất chủ trương quy hoạch tổng thể cho Khu 1, khu 2 và khu 3. Giao đồng chí Trương Hoàng Diệp Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện trong quý I/2018.</li> <li>2. Thống nhất chủ trương đầu tư phát triển mạng lưới phân phối năm 2018 theo kế hoạch của phòng kế hoạch-kinh doanh lập ngày 24/01/2018 giá trị đầu tư 10 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có và vốn vay.</li> <li>3. Tiến độ xúc rửa đường ống cấp nước thực hiện theo kế hoạch.</li> <li>4. Thực hiện các thủ tục đầu tư dự án xử lý nước 18.000m<sup>3</sup>.Giao đồng chí Trương Hoàng Diệp Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc quan hệ với đơn vị tư vấn để hoàn thành các thủ tục đầu tư.</li> <li>5. Đồng ý cho mở cửa hàng bán vật tư chuyên ngành nước cho Thành phố Trà Vinh và các chi nhánh cấp nước trong tỉnh.</li> <li>6. Đồng ý chủ trương vay vốn cho đầu tư khu xử lý chất lượng nước.</li> <li>7. Đồng ý mua 02 cây mai trưng tết nguyên đán 2018 tại Công ty.</li> <li>8. Đồng ý đầu tư mua 02 xe đào phục vụ thi công</li> <li>9. Thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Như Bình theo đơn từ nhiệm và trình qua Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu quyết.</li> <li>10. Đồng ý cho người quản lý lao động, người lao động khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại TP HCM, giao Phó Tổng giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.</li> </ol>



			<p>11. Báo cáo thực hiện kế hoạch năm 2017 lấy theo các chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15/11/2016.</p> <p>12. Đồng ý cho xuất thanh lý vật tư tồn kho kém phẩm chất theo biên bản kiểm kê cuối năm 2017 giá trị là 536.267.723đồng, được hạch toán vào chi phí năm 2017 và bán thu hồi phế liệu.</p> <p>13. Đồng ý hỗ trợ chính sách an sinh xã hội cho phường xã, thị trấn có đóng góp lợi ích cho Công ty mức chi cụ thể từng đơn vị do Tổng giám đốc xét duyệt được hạch toán vào chi phí Công ty.</p> <p>14. Bổ sung vào quy chế chi tiêu nội bộ mức khoán tiền công tác viên khảo sát và nghiệm thu khối lượng nạo vét cống hàng năm và bổ sung tại điều 4 của quy chế này mức khoán tiền thuê phòng nghỉ nơi công tác cho người lao động.</p> <p>15. Kế hoạch năm 2018 đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên giao Phó Tổng giám đốc điều hành thực hiện.</p> <p>16. Lập kế hoạch tiền lương cho năm 2018 giao Phó Tổng giám đốc điều hành thực hiện.</p> <p>17. Đồng ý tiền phạt nộp chậm tiền phí bảo vệ môi trường từ 1/2017 đến 6/2017 là 144.668.253 đồng được hạch toán vào chi phí sau thuế năm 2017</p> <p>18. Phần kiến nghị xử lý theo kết luận Thanh tra số 01/KL-TTr ngày 22/1/2018 giao Phó Tổng giám đốc điều hành chỉ đạo thực hiện theo nguyên tắc tài chính. Theo biên bản làm việc giữa Thanh tra tỉnh với Công ty ngày 30/01/2018 đồng ý chuyển số tiền 491.338.850đồng mà Công ty còn phải trả cho Công ty Nước ngầm II vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh vì theo thanh tra tỉnh đã làm việc với Công ty Nước ngầm II, bên công ty Nước ngầm II khẳng định giữa 2 Công ty không còn nợ. Nhưng đến ngày 01/02/2018 Công ty đã nhận được giấy báo xác nhận nợ của Công ty Nước ngầm II là Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh vẫn còn nợ số tiền trên. Nên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh không xử lý được số tiền trên theo đề nghị của Thanh tra tỉnh.</p>
2	13/NQ-HĐQT	26/04/2018	<p>1. Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng khu xử lý chất lượng nước mặt.</p> <p>2. Thống nhất theo đề xuất của Phó Tổng giám đốc điều hành sáp nhập phòng kỹ thuật và phòng kế hoạch - kinh doanh đổi tên thành phòng kế hoạch - kỹ thuật Thời gian thực hiện trong 06/2018.</p> <p>3. Thống nhất luân chuyển ông Nguyễn Văn Sơn Giám đốc Chi nhánh Xây Lấp - Dịch Vụ về nhận nhiệm vụ Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính thay</p>

		<p>bà Lê Phương Thảo thời gian đầu tháng 05/2018.</p> <p>4. Thống nhất điều bà Lê Phương Thảo nhận nhiệm vụ mới làm Phó Tiểu ban thường trực giúp việc cho Hội đồng quản trị thời gian đầu tháng 05/2018 mức lương và các chế độ khác hưởng tương đương chức danh Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.</p> <p>5. Thống nhất luân chuyển thời gian chậm nhất 30/6/2018. Phó Tổng giám đốc phải có kế hoạch luân chuyển được HĐQT phê duyệt gồm các ông (bà) có tên sau đây:</p> <p>5.1 Ông Phạm Hữu Ba Giám đốc Chi nhánh Cầu Ngang - Trà Cú về nhận nhiệm vụ Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật.</p> <p>5.2 Ông Vũ Hồng Điệp Trưởng phòng kỹ thuật về nhận nhiệm vụ Giám đốc Chi nhánh Cầu Ngang - Trà Cú.</p> <p>5.3 Ông Mạc Tấn Lâm Giám đốc Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè về nhận nhiệm vụ Giám đốc Chi nhánh Xây Lấp - Dịch Vụ.</p> <p>5.4 Ông Phan Huỳnh Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh về nhận nhiệm vụ Giám đốc Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè.</p> <p>5.5 Đồng ý cho Ban Tổng giám đốc điều động nhân sự để phân công nhiệm vụ kế toán tại các chi nhánh, Xí nghiệp.</p> <p>6. Đồng ý giải thể Hội đồng khoa học kỹ thuật và thành lập tổ tư vấn kỹ thuật. Phục vụ cho Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thống nhất thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ tổ chức trong quý II/2018, chương trình Đại hội giao Phó Tổng giám đốc điều hành chỉ đạo thực hiện.</p> <p>8. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như tờ trình số 136/TTr-CTN ngày 24/4/2018 của Phó Tổng giám đốc điều hành đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p> <p>9. Thống nhất bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị đối với ông Đào Thiện Duyên và bổ nhiệm bà Đặng Thị Bích Thủy nhận nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/5/2018.</p> <p>10. Thống nhất thu hồi quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2017 về việc cử Ông Trương Công Chiêm là đại diện và ra quyết định mời cho ông Nguyễn Văn Quý làm đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải.</p> <p>11. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác bán cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Công ty bao gồm :</p>
--	--	--

011  
 0NG  
 0PH  
 THOÀ  
 9A V  
 /NH-



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Trương Công Chiếm      Thành viên HĐQT- Chủ tịch HĐQT</li> <li>- Ông Nguyễn Văn Quý          Thành viên HĐQT- Phó TGD điều hành</li> <li>- Ông Trương Hoàng Diệp      Thành viên HĐQT- Phó TGD</li> <li>- Ông Từ Chung Lộc              Đại diện Sở kế hoạch &amp; đầu tư</li> </ul> <p>13. Thống nhất cử ông Nguyễn Văn Quý Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc điều hành làm người đại diện pháp luật trong thời gian đến ban hành điều lệ mới của Công ty.</p> <p>14. Đồng ý chi trang phục cho người quản lý và người lao động bộ phận gián tiếp, Ban tổng giám đốc các Chi nhánh, xí nghiệp và toàn bộ lao động nữ được cấp bằng tiền mặt là 3.000.000 đồng/người. Đối với người lao động trực tiếp có chức danh Tổ trưởng, Trạm trưởng được cấp bằng 50% của bộ phận gián tiếp.</p> <p>15. Thống nhất chi tiền lễ 30/4 và 01/5 năm 2018 cho Người quản lý và người lao động trong Công ty là 1.500.000 đồng/người. (Đưa vào chi phí Công ty là 1.000.000 đồng, quỹ phúc lợi 500.000 đồng)</p> <p>16. Thống nhất chủ trương hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ Tài sản cố định của Công ty hàng năm. Riêng năm 2018 hợp đồng từ ngày 01/5/2018.</p> <p>17. Thống nhất chọn bà Nguyễn Thị Khỏe để bầu bổ sung vào Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p> <p>18. Chính sửa bổ sung điều 5 của Quy chế chi tiêu nội bộ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức tiền ăn ca cho người quản lý và người lao động trong Công ty có thời gian làm việc đủ 8 giờ trong ngày theo bảng chấm công là 30.000 đồng/ca</li> <li>- Để khuyến khích nhân viên ghi chi đồng hồ nước và thu tiền sử dụng nước tại thành phố Trà Vinh hạn chế hóa đơn tồn đến mức tối đa như sau. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công việc ghi chi số đồng hồ định mức giao khoán là 1.250 hộ, từ trên 1hộ đến 120 hộ được hưởng tăng thêm là 1.100đồng/ hộ. Từ hộ thứ 121 trở lên thì được hưởng tăng thêm là 1.600 đồng/hộ.</li> <li>+ Công việc thu tiền sử dụng nước định mức giao khoán là 1.150 hộ, từ trên 1 hộ đến 120 hộ được hưởng tăng thêm là 1.100 đồng/hộ. Từ hộ thứ 121 trở lên thì được hưởng tăng thêm là 2.000đồng/hộ. Thời gian thu trong 07 ngày phải đạt 50% số hóa đơn phát hành, 10 ngày tiếp theo phải thu đạt mức trên 96% số hóa đơn phát hành.</li> </ul> </li> </ul> <p>Mức khoán này được áp dụng từ tháng 4/2018</p>
--	--	--	--

			<p>+ Chi hỗ trợ tiền trực lễ, tết cho người quản lý và người lao động: 200.000 đồng/ngày trực.</p> <p>19. Quyết định số 06/QĐ-CTN ngày 12/3/2018 của Ban Tổng giám đốc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ cho Chi nhánh Tiểu Cần-Cầu Kè và các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc giao cho Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc xem xét ban hành đúng theo quy định.</p> <p>20. Thống nhất kế hoạch tiền lương và quyết toán tiền lương thực hiện của người quản lý và người lao động năm 2017, theo tờ trình của Ban Tổng giám đốc.</p> <p>21. Công tác quy hoạch chức danh Phó Tổng giám đốc, Trưởng, phó các phòng ban, Giám đốc, phó giám đốc các Chi nhánh, xí nghiệp; Hội đồng quản trị sẽ bỏ phiếu phiến hợp này. Ông Ngô Nhật Ngân đồng ý ủy quyền để Ông Trương Công Chiếm Chủ tịch HĐQT lựa chọn và bỏ phiếu thay</p>
3	28/NQ-HĐQT	15/06/2019	<p>1. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.</p> <p>2. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2017</p> <p>3. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018</p> <p>4. Tờ trình thông qua thù lao thành viên HĐQT, TV BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT năm 2018, cụ thể:</p> <p>4.1 TV HĐQT không chuyên trách là: 4.500.000đồng/tháng</p> <p>4.2 TV ban kiểm soát không chuyên trách là: 3.000.000đồng/tháng</p> <p>4.3 Thư ký HĐQT là: 3.500.000đồng/tháng</p> <p>5. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS.</p> <p>6. Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty</p> <p>7. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p> <p>8. Báo cáo của HĐQT về việc quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017.</p> <p>9. Thống nhất chủ trương tổ chức cho người quản lý lao động và người lao động trong công ty đi tham quan du lịch trước ngày 10 tháng 08 năm 2018. Giao Công đoàn Công ty đề xuất địa điểm và nguồn kinh phí báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định.</p> <p>10. Thống nhất trả thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2018. Mức chi là 4.500.000 đồng/tháng.</p> <p>11. Đồng ý hỗ trợ nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết theo đề nghị số 07, 08, 09/ĐN-CĐCS của BCH</p>



			<p>Công đoàn Công ty ngày 09/05/2018. Trong đó hỗ trợ Mẹ VNAH 20 triệu đồng từ nguồn Quỹ Phúc lợi; hỗ trợ Người lao động trong Công ty 60 triệu đồng đưa vào chi phí của Công ty và loại trừ khi tính thuế TNDN.</p> <p>12. Chấp thuận theo tờ trình số 231/TT-CTN ngày 07/06/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành về việc bổ nhiệm bà Đặng Thị Bích Thủy chức danh Phó Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, thời gian kể từ ngày 01/06/2018. Giao Phó Tổng Giám đốc điều hành, ban hành quyết định bổ nhiệm.</p> <p>13. Thống nhất theo đề xuất của Phó Tổng Giám đốc điều hành về việc làm quy trình bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Duy – Phó Giám đốc Xí nghiệp cấp nước giữ chức danh Giám đốc Xí nghiệp cấp nước.</p> <p>14. Thống nhất tạm ngưng dự án đầu tư Khu xử lý chất lượng nước 18.000m<sup>3</sup> nhưng vẫn phê duyệt hồ sơ tư vấn thiết kế bản vẽ thi công dự toán để có cơ sở thanh toán tiền cho đơn vị tư vấn thiết kế; đơn vị thẩm định và đơn vị thẩm tra.</p>
4	43/NQ-HĐQT	14/07/2018	<p>Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2017 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ: 1,6%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 160 đồng)</li> <li>- Hình thức chi trả: Tiền mặt</li> <li>- Thời gian chi trả: Quý IV/2018</li> </ul> <p>Số tiền còn lại để chi trả cổ tức năm 2017 là 10.487.896 đồng. Công ty sẽ tiến hành gửi công văn xin ý kiến Ủy ban chứng khoán nhà nước về cách thức chi trả khoản cổ tức còn lại này.</p>
5	44/NQ-HĐQT	14/07/2018	<p>1. Thống nhất Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2018, kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018 và thực hiện văn phòng điện tử. Riêng Sử dụng hóa đơn tiền nước điện tử Ban điều hành phải có đề án cụ thể trình Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Đồng ý bổ sung vào kế hoạch đầu tư 6 tháng đầu năm 2018:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thi công tuyến ống đường Mậu Thân – Châu Thành (Quán Ngọc Thúy). Giá trị dự toán khoảng 750 triệu đồng.</li> <li>b) Tuyến ống đường Phú Hòa xã Long Đức. Giá trị dự toán khoảng 212 triệu đồng.</li> <li>c) Tuyến ống Tinh Lộ 913 (Duyên Hải) Giá trị dự toán khoảng 700 triệu đồng.</li> <li>d) Thiết kế xúc rửa đường ống Giai đoạn II. Riêng đối với ống D63: Xả cặn, xúc rửa, lắp van xả cặn, thay thế van hư, di dời van đến vị trí thích hợp. Tiến hành thi công và quyết toán theo thực tế.</li> <li>e) Xây dựng bể chứa nước Cầu Kè (giai đoạn II). Khi có dự án, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.</li> <li>f) Theo Nghị quyết số 13 ngày 26/04/2018 và các văn bản liên quan về việc Đầu tư xử lý nguồn nước mặt 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tại vị trí số 1 là kênh</li> </ul>



			<p>Tầm Phương, nhưng hiện nay không còn phù hợp. Do đó Hội đồng quản trị thống nhất chọn lại vị trí nguồn nước mặt để xây dựng nhà máy nước công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại sông Láng Thè và cho thuê đơn vị tư vấn thực hiện trước đồng thời phải thực hiện các bước theo quy trình của Dự án.</p> <p>4. Thống nhất cho thực hiện công việc:</p> <p>a) Sửa chữa, thay thế thiết bị điện của trạm bơm giếng số 1, số 2 - Chi nhánh cấp nước Duyên Hải. Giá trị khoảng 120 triệu</p> <p>b) Sửa chữa biến tần nhà máy nước Cầu Ngang. Giá trị khoảng 125 triệu.</p> <p>c) Lắp biến tần trạm bơm cấp II Tp Trà Vinh - Xí nghiệp cấp nước - Giá trị khoảng 350 triệu.</p> <p>6. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 theo đề xuất của Ban Kiểm soát là Công ty TNHH Dịch vụ - Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt.</p> <p>7. Khi điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty được ban hành, giao Phó Tổng Giám đốc điều hành và Tiểu ban Tổng hợp giúp việc cho Hội đồng quản trị chỉ đạo các bộ phận có liên quan điều chỉnh các quy chế cho phù hợp. Đồng thời chỉ đạo các Chi nhánh xây dựng các quy chế quản lý để thông qua HĐQT.</p> <p>8. Thống nhất cho mua sắm: Xe tải cầu mới từ 4-5 tấn và Téc nước 4 m<sup>3</sup> bằng nguồn vốn tự có hoặc vốn vay.</p> <p>9. Việc chậm nâng bậc lương cho công nhân giai đoạn của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, giao Ban điều hành xem xét từng trường hợp cụ thể và báo cáo Chủ tịch hội đồng quản trị. Đối với những trường hợp đủ điều kiện được thi tay nghề để nâng bậc lương nhưng vì lý do khách quan Công ty không tổ chức thi tay nghề được, thì thời gian bị chậm nâng bậc lương của giai đoạn Công ty TNHH MTV sẽ được cộng vào thời gian nâng bậc lương của Công ty Cổ phần. Giao Ban điều hành thực hiện chậm nhất tháng 08/2018.</p> <p>10. Việc chuẩn y chức danh Giám đốc Xí nghiệp cấp nước cho ông Nguyễn Thanh Duy, Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Ban điều hành thực hiện theo đúng quy trình.</p>
6	54/NQ-HĐQT	15/08/2018	<p>1. Tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 24/10/2017 (Điều 1 - khoản 3)</p> <p>2. Tổ chức đấu thầu dự án với công suất xử lý là 18.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm</p> <p>3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành đưa vào sử dụng: Trước tháng 01/2019</p> <p>4. Phần Công nghệ: Lọc kín. Nếu đấu thầu này không thành công thì thực hiện theo thiết kế của Công ty Wase đã được phê duyệt.</p>





			<p>5. Hình thức lựa chọn đầu thầu: EPC</p> <p>1. Thống nhất Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh - Quý IV năm 2018 và những kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc theo báo cáo. Cụ thể:</p> <p>a) Về nhân sự: Tăng 02 lao động gồm: 01 công nhân vận hành máy, 01 nhân viên xét nghiệm phục vụ cho phòng xét nghiệm đạt chuẩn để chuẩn bị nhận bàn giao từ Dự án thoát nước tại Tp Trà Vinh.</p> <p>b) Bổ sung vào kế hoạch đầu tư phát triển tuyến ống phân phối năm 2018, gồm:</p> <p>b1) Tuyến ống Tinh Lô 913 (Duyên Hải): Đã có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 14/07/2018, nhưng thiết kế lại ống D114 dài 5.000m cho phù hợp với nhu cầu phát triển. Giá trị dự toán khoảng 2,4 tỷ đồng.</p> <p>b2) Tuyến ống PE D90 Ngãi Xuyên, Trà Cú dài 560m. Giá trị dự toán: 230.519.244 đồng.</p> <p>b3) Tuyến ống PE D63, TT Cầu Kè dài 690m. Giá trị dự toán: 158.964.387 đồng.</p> <p>b4) Tuyến ống PVC D114, TT Cầu Kè dài 100m. Giá trị dự toán: 52.805.301 đồng.</p> <p>b5) Tuyến ống PE D63, TT Cầu Quan dài 315m. Giá trị dự toán: 72.975.574 đồng.</p> <p>b6) Tuyến ống hèm nhà ống Quyển (Chánh VPUB tỉnh) dài 130m. Giá trị dự toán khoảng 40 triệu đồng.</p> <p>b7) Tuyến ống PE D63 dài 390m, ống PE D32 dài 40m Chợ Cầu Ngang. Giá trị dự toán: 143.000.603 đồng.</p> <p>c) Về sửa chữa, cải tạo:</p> <p>c1) Sau khi gần biển tần Trạm bơm cấp II (theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 14/07/2018) thì thống nhất cho cải tạo lại hệ thống điện, theo hướng tiết kiệm điện năng, giá trị khái toán khoảng 150 triệu đồng.</p> <p>c2) Cải tạo hệ thống điện để đáp ứng nhu cầu khi đưa hệ thống xử lý chất lượng nước 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đem vào sử dụng (nâng công suất trạm biến áp, cải tạo đường dây điện).</p> <p>c3) Đầu tư hệ thống chặm Clo tự động cho Nhà máy cấp nước Trà Vinh (cải tạo hệ thống cũ, nếu không cải tạo được thì đầu tư mới).</p> <p>2. Thống nhất đầu tư khoan thêm 02 giếng ở Châu Thành để cung cấp nước cho khu vực Tp Trà Vinh và Thị trấn Châu Thành. Nhưng trước mắt chỉ khoan thêm 01 giếng. Giá trị khái toán khoảng 2,7 tỷ đồng. Thời gian đưa vào sử dụng trước ngày 15/02/2019.</p> <p>3. Thống nhất bán cổ phần mà Công ty đang góp</p>
7	73/NQ-HĐQT	31/10/2018	

			<p>vốn cổ phần (Công ty CP nước và Môi Trường Duyên Hải với tỷ lệ góp vốn là 20%, tương đương 3 tỷ đồng) nếu có tổ chức hoặc cá nhân đồng ý mua.</p> <p>4. Việc đầu tư dự án xây dựng nhà máy nước mặt, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, giao ông Nguyễn Văn Quý – Thành viên HĐQT, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn để xem xét phương thức đầu tư dự án này như thế nào (một trong 4 phương thức) cho phù hợp và phải thống nhất trong Ban Tổng Giám đốc để trình Chủ tịch HĐQT trước ngày 30/11/2018 để Chủ tịch HĐQT trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh.</p> <p>5. Thống nhất hỗ trợ kinh phí để xây dựng tháp sáng đèn đường Tỉnh lộ 912 khu vực ấp Đâu giồng A, xã Mỹ Chánh là 10.000.000 đồng, vì địa bàn này là nơi Công ty đang khai thác nước ngầm. Đưa vào chi phí của Công ty và loại trừ khi tính thuế TNDN</p> <p>6. Những vấn đề còn tồn tại sau kiểm điểm theo Kết luận của Thanh tra tỉnh Trà Vinh, giao cho Phó Tổng Giám đốc điều hành kết hợp các ban ngành xem xét xử lý.</p> <p>7. Vấn đề nhân sự:</p> <p>a) Chấp thuận việc ký hợp đồng một tài xế lái xe đào (theo tờ trình số 317a/TTr-CTN ngày 23/07/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>b) Chấp thuận việc ký hợp đồng nhân sự để làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban Lãnh đạo Công ty (theo tờ trình số 404/TTr-CTN ngày 26/09/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>c) Thống nhất bổ nhiệm ông Trần Huỳnh Ngô - chức danh Tổ phó Tổ Thoát nước (theo tờ trình số 412/TTr-CTN ngày 02/10/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>8. Đối với Quỹ tiền thưởng của người quản lý Công ty - Năm 2017: Thống nhất: Sau khi trừ số đã tạm chi cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT, chỉ cho 2 tập thể (theo Quyết định khen thưởng số 73/QĐ-CTN ngày 30/08/2018 của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh). Số còn lại chi đều cho 6 người quản lý chuyên trách của Công ty (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)</p>
8	01/QĐ-HĐQT	02/01/2018	Quyết định V/v cho thôi giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Như Bình
9	08/QĐ-HĐQT	31/01/2018	Quyết định V/v Thành lập Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật của Công ty

210  
CC  
CT  
ÁP  
T/F



10.	12/QĐ-HĐQT	19/03/2018	Quyết định V/v Thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật người lao động có hành vi sai phạm theo kết luận của Đoàn Thanh tra tỉnh Trà Vinh.
11	36a/QĐ-HĐQT; 36b/QĐ-HĐQT; 36c/QĐ-HĐQT; 36d/QĐ-HĐQT	27/04/2018	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của người quản lý, người lao động bộ phận cấp nước, người lao động bộ phận Thoát nước, người lao động bộ phận Xây lắp – Năm 2017.
12	60/QĐ-HĐQT	30/05/2018	Quyết định V/v phê duyệt danh sách các chức danh – Giai đoạn 2018-2023 của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
13	60a/QĐ-HĐQT	05/06/2018	Quyết định V/v Thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
14	62/QĐ-HĐQT	03/07/2018	Quyết định V/v phê duyệt QC trả lương, nâng bậc lương cơ bản của người lao động.
15	63/QĐ-HĐQT	05/07/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
16	66/QĐ-HĐQT	17/07/2018	Quyết định V/v Thành lập Ban thực hiện công tác thoái vốn nhà nước.
17	67/QĐ-HĐQT	07/08/2018	Quyết định V/v Thành lập Hội đồng tiền lương của Công ty.
18	69/QĐ-HĐQT	19/09/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế Hội nghị người lao động.
19	Các Quyết định/văn bản khác phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2019		

### 2.3. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành, của Ban Kiểm soát và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 7 Nghị quyết và nhiều Quyết định văn bản khác để kịp thời giải quyết các công việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

- Triển khai thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị công ty. Tuân thủ việc công bố



thông tin theo quy định. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **2.4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Phó Tổng Giám đốc điều hành**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Phó Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Phó Tổng Giám đốc điều hành, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Định kỳ hàng Quý, 6 tháng Phó Tổng Giám đốc điều hành báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chi đạo kịp thời; Phó Tổng Giám đốc điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về công tác đầu tư, mua sắm tài sản; tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty.

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

### **III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018**

#### **1. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018:**

##### **1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước sạch tiêu thụ	m <sup>3</sup>	10.325.000	10.623.941	102,9
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr. đồng	88.625	91.618,1	103,4
3	Tổng chi phí	Tr. đồng	75.500	77.634,1	102,8
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	13.125	13.984	106,5
5	Thuế TNDN	Tr. đồng	2.625	2.828	107,7



6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	10.500	11.156	106,2
7	Trả cổ tức	Tr. đồng	6.615	6.569	99,31
8	Tỷ lệ % LNST/Vốn điều lệ	%	7,19	7,64	106,3
9	Tỷ lệ % Cổ tức/Vốn điều lệ	%	4,35	4,5	103,4
10	Vốn điều lệ	Tr. đồng	145.978,6	145.978,6	100

**❖ Đánh giá so sánh kết quả thực hiện:**

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2018 tăng 9,1% so với năm 2017, tăng 2,9% so kế hoạch, nguyên nhân do:

+ Phát triển mạng phân phối cấp nước đưa vào sử dụng 36 tuyến ống các loại từ D63 đến D114. Chiều dài tổng cộng 31.500 m

+ Phát triển ống nhánh lắp mới tăng thêm 3.190 hộ, tăng 4,7% so năm 2017, tăng 6,9% so kế hoạch.

+ Nhu cầu sử dụng nước của khách hàng các nhà máy nước ngày càng tăng.

- Tỷ lệ thất thoát năm 2018 là 11%; giảm 0,6% so năm 2017 và giảm 0,7% so với kế hoạch, chứng tỏ Công ty đã kiểm soát tốt thất thoát.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng 11,8% so năm 2017, tăng 6,2% so kế hoạch do doanh thu tăng 3,4%, chi phí chỉ tăng 2,7% so kế hoạch năm 2018, chứng tỏ Công ty đã kiểm soát tốt các loại chi phí.

- Vốn góp Công ty cổ phần nước và môi trường Duyên Hải 3 tỷ đồng. Trong năm 2018 Công ty báo cáo lỗ không có lãi chia cổ tức trong năm 2018.

- Kế hoạch trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết số 36/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2018 được Đại hội đồng cổ đông thông qua mức cổ tức dự kiến là 63%/ Lợi nhuận sau thuế, tối thiểu 4,35%/ Vốn điều lệ. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị công ty dự kiến trả cổ tức năm 2018 là 60% Lợi nhuận sau thuế nhưng theo nguyên tắc chia là số tròn đến 1 số lẻ nên Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông năm nay phân chia cổ tức là 4,5%/ Vốn điều lệ. Số dư lẻ còn lại cộng dồn tiếp cho năm sau.

**1.2. Kết quả mua sắm Tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản**

- Đầu tư mua sắm, thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018: Giá trị khoảng 7,498 tỷ đồng.

+ Ống phân phối: 31.500 m dài.

- Lắp đặt mới đồng hồ nước: 3.190 cái.

- Thay thế đồng hồ kiểm định định kỳ 05 năm/lần: 4.679 cái.

- Sửa chữa lớn tài sản cố định, với giá trị khoảng 1,282 tỷ đồng.

- Công tác triển khai thực hiện các dự án:



+ Dự án Xây dựng hệ thống xử lý chất lượng nước của Nhà máy cấp nước TP Trà Vinh công suất 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Khởi công và hoàn thành vào khoảng ngày 20/04/2019 theo đấu thầu EPC, giá trị 14.484.083.000 đồng

+ Dự án Nước mặt lưu lượng 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Đã triển khai chọn đơn vị Tư vấn lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước mặt lưu lượng 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm là Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam.

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh: Đã có quyết định phê duyệt báo cáo quyết toán hoàn thành Dự án và Công ty đang thực hiện các thủ tục chi trả và thu hồi theo Quyết định.

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy cấp nước thành phố Trà Vinh – tỉnh Trà Vinh: Đã có quyết định phê duyệt báo cáo quyết toán ngừng thực hiện Dự án và Công ty đang thực hiện các thủ tục chi trả và thu hồi theo Quyết định.

+ Đã thực hiện giai đoạn 1 của Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Cầu Kè. Giá trị dự toán: 590.001.339 đồng, giá trị quyết toán: 581.037.732 đồng. Dự án đã ngưng được tài trợ và các ngành chức năng yêu cầu Công ty trình UBND tỉnh Trà Vinh quyết toán chấm dứt dự án theo vốn tài trợ.

## **2. Các mặt hoạt động của Công ty, thuận lợi, khó khăn.**

### **2.1. Thuận lợi:**

#### **2.1.1. Về sản xuất:**

Cơ sở vật chất kỹ thuật sản xuất của Công ty được đầu tư xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp vận hành tốt. Duy trì hoạt động, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng nước của cư dân đô thị toàn tỉnh.

#### **2.1.2. Về kinh doanh:**

Phát triển liên tục, năm sau cao hơn năm trước, thu – chi cân đối, đáp ứng đủ yêu cầu phát triển của Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, thu nhập của người lao động và có lãi.

#### **2.1.3. Về quản trị doanh nghiệp:**

- Năm 2017 mới được cổ phần hóa, còn nhiều lúng túng nhưng sang năm 2018 đã cố gắng vượt qua để điều hành doanh nghiệp tốt hơn.

- Bộ máy và nhân sự đã cố gắng điều hành và tác nghiệp tốt hơn.

- Đời sống và thu nhập của người lao động được ổn định và tăng cao hơn.

- Sự quan tâm và chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và các ngành liên quan sát sao và hiệu quả.

- Chính quyền và khách hàng địa bàn Công ty hoạt động luôn giúp đỡ và hợp tác chặt chẽ.

### **2.2. Khó khăn:**

2.2.1 Việc cấp nước ở địa bàn trọng điểm, có tính quyết định đến toàn bộ hoạt động của Công ty là thành phố Trà Vinh đang gặp nhiều khó khăn lớn, đó là:



- Nguồn cung trước mắt và trung hạn đang thiếu hụt 30% - 50% so với yêu cầu.
- Hai chỉ tiêu chất lượng trong “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt” là sắt và độ cứng tổng cộng vượt mức cho phép, cần đến biện pháp xử lý chúng.

**2.2.2 Về kinh doanh:** Đầu tư phát triển những năm trước ở nhà máy nước các huyện quá lớn, sử dụng công suất thấp, có nơi thấp hơn 15% công suất dẫn đến các chi phí như khấu hao cao, không có lợi nhuận thậm chí lỗ lớn, gánh nặng trả nợ vay ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung.

**2.2.3 Về quản trị doanh nghiệp:**

- Mô hình quản lý doanh nghiệp cổ phần hóa chưa được vận dụng và điều hành chuyên nghiệp hiệu quả.
- Các văn bản quy chế, quy định còn thiếu, chưa đồng bộ hoặc chưa đúng Điều lệ.

**2.2.4. Về tài chính:**

+ Nguồn trích khấu hao TSCĐ hàng năm tái đầu tư một phần còn phải trả tiền vay cho dự án xử lý chất lượng nước Tp Trà Vinh, dự án Cấp nước Duyên Hải, dự án Tiểu Cần- Cầu Quan và các khoản lãi vay khác trên 20 tỷ đồng cho mỗi năm đến 2026.

+ Vốn đối ứng do ngân sách cấp cho các dự án cấp nước khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần phải hoàn trả cho Ngân sách là: 20,774 tỷ đồng.

+ Phải nộp phần chênh lệch tăng Vốn điều lệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, mỗi năm 1 tỷ đồng theo kế hoạch đến năm 2023.

+ Phải thanh toán nợ cho các nhà thầu khi tiếp nhận các dự án Cấp nước Duyên Hải, dự án Tiểu Cần- Cầu Quan, Trà Cú, Cầu Kè là: 5,85 tỷ đồng

Bên cạnh những khó khăn đó Công ty còn phải chịu áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức và thưởng cho người lao động hàng năm, bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận, vẫn phải đảm bảo nguồn vốn tích lũy để trả nợ gốc, trả lãi vay Ngân hàng, đảm bảo tiền lương cho người lao động.

**3. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Phó Tổng Giám đốc điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động



sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thể chủ động trong việc chi đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### 4. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm 2018 luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật...Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

### IV. BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2018

#### 1. Thù lao năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng	Cả năm	Ghi chú
1	Ông Chiếm	Chủ tịch HĐQT	-	-	
2	Ông Quý	Thành viên HĐQT	4.500.000	54.000.000	
3	Ông Diệp	Thành viên HĐQT	4.500.000	54.000.000	
4	Ông Hữu Ba	Thành viên HĐQT	4.500.000	27.000.000	
5	Ông Nhân	Thành viên HĐQT	4.500.000	54.000.000	
6	Ông Tiên	Trưởng BKS	-	-	
7	Ông Duyên	Kế toán trưởng	-	-	
8	Bà Khoé	Thành viên BKS	3.000.000	18.000.000	
9	Bà Xuân	Thành viên BKS	3.000.000	36.000.000	
		<b>Tổng cộng</b>		<b>243.000.000</b>	

#### 2. Tiền lương, tiền thưởng năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên	Chức danh	Tiền lương/năm	Tiền thưởng/năm (tạm ứng)	Tổng cộng
1	Ông Chiếm	Chủ tịch HĐQT	467.313.246	26.000.000	493.313.246
2	Ông Quý	Phó TGD điều hành	449.339.661	25.000.000	474.339.661
3	Ông Diệp	Phó TGD	395.418.902	22.000.000	417.418.902
4	Ông Tiên	Trưởng BKS	395.418.902	22.000.000	417.418.902
5	Ông Duyên	Kế toán trưởng	359.471.729	20.000.000	379.471.729
6	Ông Nhân	Thành viên HĐQT		6.750.000	6.750.000
7	Bà Xuân	Thành viên BKS		4.500.000	4.500.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2.066.962.440</b>	<b>126.250.000</b>	<b>2.193.212.440</b>



## V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Trong năm 2019 chúng ta có cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối cơ bản hoàn chỉnh, các nhà máy cấp nước các huyện vẫn được bảo dưỡng tốt, đảm bảo đủ công suất cung cấp nước tốt cho dân và hoạt động sản xuất. Môi trường hoạt động SXKD tiếp tục có nhiều thuận lợi, nhu cầu sử dụng nước càng tăng cao, thị trường cung cấp nước còn nhiều tiềm năng để mở rộng khách hàng cũng là một vấn đề quan trọng tác động đến sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Quy hoạch phát triển đô thị tại Trà Vinh trong thời gian qua có nhiều thay đổi. Tỷ lệ đô thị hóa cho thấy dân số đô thị thành phố Trà Vinh tăng nhanh, cùng với những hỗ trợ từ các Sở ban ngành tỉnh tạo điều kiện cho Công ty tăng trưởng. HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển. Phương châm hành động năm 2019 là: “Phối hợp - Hành động - Sáng tạo - Khoa học - Kỹ cương và Hiệu quả” cần được giải thích, quán triệt và vận dụng linh hoạt, cụ thể trong mọi cấp chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp quản lý và đến từng người lao động vì mục tiêu cao nhất là: Hoàn thành kế hoạch 2019 đã được ĐHCĐ thông qua, đưa Công ty phát triển cao hơn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng nước và tăng cường công tác dịch vụ khách hàng mở rộng mạng lưới phục vụ khách hàng.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng lại và ban hành các Quy chế, quy định. Xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động Chi nhánh xây lắp – Dịch vụ, các chi nhánh cấp nước và sản xuất nước sạch, ... Đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.

- Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch năm 2019 là 12.5%, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

- Chỉ đạo điều hành tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.



- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

Ngoài ra HĐQT tiếp tục triển khai thực hiện theo yêu cầu thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 4282/UBND-KT ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh chuyển nhượng 2.677.030 cổ phần tương ứng 18,34%/Vốn điều lệ theo quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị điều hành năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Xin trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
TRƯỞNG CÔNG CHIÊM

C. P. H. A.



Trà Vinh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Dự thảo

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Thưa quý Cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

#### **1. Hoạt động của Ban kiểm soát**

##### **1. Cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát**

Ông Nghiêm Ngọc Tiên: Trưởng ban

Bà Trần Diệp Xuân: Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Khỏe: Kiểm soát viên

##### **2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý, Ban kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc.
- Thẩm định các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, các hạt động khác và có đưa ra các ý kiến kiến nghị với Hội đồng quản trị, nhằm góp phần cho hoạt động của Công ty ngày càng đi vào nề nếp.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán các dự án đầu tư và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị về định hướng, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban do Ban điều hành tổ chức; qua đó, tham gia ý kiến những vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm và đóng góp cho việc chỉ đạo, điều hành của người quản lý, ngoài ra Ban kiểm soát còn tham gia các hoạt động khác của Công ty khi được mời tham dự. Đặc biệt tham gia đóng góp các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.



### 3. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy chế trả lương của Công ty.

a/ Tiền lương của Trưởng ban kiểm soát : 22 triệu đồng / tháng và theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b/ Thù lao của Ban kiểm soát không chuyên trách: 3 triệu đồng / tháng.

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát theo đúng quy định. Về kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát; Ban điều hành cũng đã có xem xét tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoạt động.

### 4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

- Phiên họp ngày 17/05/2018 về kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính quý I năm 2018.
- Phiên họp ngày 18/06/2018 kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018, qua đó kiến nghị Hội đồng quản trị giải trình một số nội dung Ban kiểm soát cần làm rõ đặc biệt báo cáo nguyên nhân lỗ của Công ty Cổ phần nước và Môi trường Duyên Hải mà Công ty có 20% cổ phần và giải pháp thu hồi nợ các dự án khu LIA.
- Đối với báo cáo tài chính quý III Ban kiểm soát chỉ trao đổi qua điện thoại và thống nhất với báo cáo của phòng Kế toán – Tài vụ Công ty lập.

Trong quá trình làm việc Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi qua điện thoại , email để hoạt động được kịp thời, liên tục, hiệu quả.

## II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Ban Kiểm soát thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định, và qua kết quả kiểm tra Ban kiểm soát thống nhất đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
1	Sản lượng nước tiêu thụ (triệu m <sup>3</sup> )	10,325	10,623	102,8
2	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	88,625	91,244	102,9
3	Tổng số lắp đặt mới đồng hồ nước (cái)	2.985	3.190	106
4	Tỷ lệ thất thoát (%)	11,7	11	-0,7

Mặc dù còn khó khăn về nguồn vốn nhưng với nỗ lực quyết tâm của tập thể, Công ty đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, đặc biệt đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm tỷ lệ thất thoát nước (kế hoạch năm 2018 là 11,7%; Thực hiện năm 2018 là 11%).

Về công tác đào tạo năm 2018 Công ty luôn quan tâm công tác đào tạo bồi dưỡng người lao động và người quản lý cụ thể: Thường xuyên cử người tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý về tiền lương, lao động, tài chính – kế toán và đào tạo nghiệp vụ điện. Công ty tiếp tục hoàn thiện việc đánh giá hiệu quả công việc của người lao động , hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền thưởng nhằm thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện đúng luật lao động, việc chi trả tiền lương hàng tháng thực hiện đúng hạn. Các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, trong năm đã tổ chức



cho người lao động tham gia nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Thu nhập của người lao động tăng hơn so với năm 2017.

### III. Kết quả tình hình tài chính năm 2018

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2018, kết thúc vào ngày 31/12/2018 và nhận xét như sau:

Báo cáo tài chính lập đúng quy định về biểu mẫu và thời gian.

Hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, dễ truy lục, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm toán.

Thực hiện tương đối tốt chế độ báo cáo thông tin đối với Công ty đại chúng cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Ban kiểm soát thống nhất với nội dung báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty lập và đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt với nhận định là: "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

#### 1/ Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Tăng/giảm	
			Số tiền	Tỷ lệ tăng %
1. Tổng doanh thu	87.656	91.244	3.588	4
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	12.774	13.984	1.210	9,5
3. Thuế và các khoản phải nộp	12.486	14.557	2.071	16,6
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	10.200	11.155	955	9,3
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	699	764	65	9,3

#### 2/ Một số chỉ số tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn	0,25	0,19
2	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn)	0,38	0,36
3	Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	0,5	0,47
4	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	1	0,92
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%)	11	12,3
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,2	6,9

#### \*Nhận xét:

Hệ số thanh toán nhanh: khả năng thanh toán năm 2018 so với năm 2017 giảm, lý do trong năm 2017, Công ty đã dùng tài sản ngắn hạn thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến thời gian phải trả. Do đó, tại thời điểm cuối năm 2018 khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty rất đáng quan tâm.



Hệ số thanh toán ngắn hạn: Năm 2018 thấp hơn so với năm 2017 chứng tỏ khả năng thanh toán không tốt hơn so với năm 2017.

Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn: năm 2018 giảm so với năm 2017

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: năm 2018 giảm so với năm 2017

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: năm 2018 lợi nhuận cao hơn so với năm 2017

Từ phân tích ở phần trên, ta thấy rằng khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty tiếp tục khó khăn trong năm 2019. Từ đó, vốn dành cho đầu tư sẽ rất hạn chế.

#### **IV. Công tác quản trị và điều hành Công ty**

##### **1. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ hàng quý và đột xuất tại trụ sở Công ty, thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và những vấn đề phát sinh, tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc điều hành nắm bắt kịp thời. Những vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng được bàn bạc, thảo luận và quyết định kịp thời.

Trong năm qua HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, đảm bảo đúng pháp luật và mục tiêu kinh doanh của Công ty.

##### **2. Công tác điều hành của Ban tổng giám đốc và người quản lý khác**

Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ; Chủ động lập kế hoạch trong việc quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động. Có phân công nhiệm vụ điều hành của từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc. Ngoài ra Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ, chính sách đối với người lao động.

Với nỗ lực của tập thể người lao động, sự chỉ đạo của HĐQT và sự điều hành của Ban Tổng giám đốc đã từng bước khắc phục tồn tại, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của HĐQT và đại hội đồng Cổ đông.

##### **V. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

Trong năm 2018 HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đều mời đại diện Ban kiểm soát tham dự; HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

##### **VI. Những mặt còn hạn chế thiếu sót**

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Tuy nhiên, trong quá trình chỉ đạo vẫn còn những mặt tồn tại như sau:

- Việc ban hành một số quy chế quản trị nội bộ còn chậm, từ đó gây khó khăn trong việc điều hành.
- Việc mua sắm vật tư còn xảy ra trường hợp chưa đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định.



- Tình hình tài chính của Công ty từng lúc gặp nhiều khó khăn thể hiện qua một số chỉ số tài chính như đã nêu trên.
- Một số công việc thực hiện còn chậm so với thời gian quy định tại nghị quyết HĐQT.
- Tính cần trọng xử lý công việc một số mặt còn hạn chế.

#### **VII. kết luận và kiến nghị**

Trong năm 2018, mặc dù còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục nhưng HĐQT, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong chỉ đạo, điều hành, từ đó hầu hết các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thông qua đều đạt kế hoạch.

Đã tập trung chỉ đạo xử lý chất lượng nước như: Xúc rửa đường ống, triển khai đầu tư khu xử lý 18.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định của Bộ y tế, đồng thời quan tâm chỉ đạo giám sát thoát nước. Do đó, tỷ lệ thất thoát nước năm 2018 giảm so với năm 2017. Có quan tâm đến an toàn vệ sinh lao động, điều kiện lao động được nâng lên, thu nhập người lao động tăng hơn so với năm 2017

Trong thời gian tới, Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT cần quan tâm đến các vấn đề sau:

- Cải thiện một số chỉ số tài chính hiện hành, làm cho tình hình tài chính của Công ty tốt hơn, an toàn hơn.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, rà soát và cắt giảm một số chi phí có thể giảm được. Tiết kiệm chi tiêu, đảm bảo thu nhập của người lao động ngày càng tăng, kiểm soát tốt dòng tiền để giảm áp lực trả chi phí lãi nợ vay.
- Tiếp tục có phương án giảm tỷ lệ thất thoát nước, tập trung cải thiện chất lượng và lưu lượng nước để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Tập trung phát triển khách hàng nhằm tăng doanh thu cho công ty, có giải pháp nâng cao sản lượng tiêu thụ tại nhà máy nước Duyên Hải, Trà cú.
- Quản lý tốt công tác đầu tư, thanh quyết toán kịp thời, sớm nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.
- Rà soát thủ tục, cắt giảm những thủ tục không cần thiết, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng (thực hiện tốt cơ chế một cửa), quan tâm thu hồi nợ.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh năm 2018, đệ trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Chúc sức khỏe quý đại biểu, quý cổ đông.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

#### **Nơi nhận:**

- Quý cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Lưu (CV-BKS).

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nghiêm Ngọc Tiên**



Số: 12 /TTT-CTN

Trà Vinh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

### **VỀ VIỆC THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh

Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt AASCN Tại TP Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của công ty ([trawaco.com.vn](http://trawaco.com.vn))

1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trên báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Đơn vị tính : đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng tài sản	313.162.122.392
2	Nợ phải trả	150.417.618.804
3	Doanh thu thuần	91.244.765.634
4	Vốn chủ sở hữu	162.744.503.588
5	Lợi nhuận trước thuế	13.983.546.809
6	Lợi nhuận sau thuế	11.155.555.665

2. Ý kiến của kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù





hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trương Công Chiêm**





CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Số: 45/CTN

Về việc giải trình nguyên nhân lợi  
nhuận sau thuế BCTC năm 2018  
tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm  
2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 17 tháng 03 năm 2019

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh  
Trụ sở chính: 521B, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Tp. Trà  
Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại liên hệ : 0294.3840215 Fax : 0294.3850656

E-mail : [trawacotv@gmail.com](mailto:trawacotv@gmail.com)

Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Văn Quý

Nội dung thông tin công bố :

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ  
phần Cấp thoát nước Trà Vinh được lập ngày 20/03/2019, Công ty xin giải trình  
nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2017  
như sau:

Do năm 2018, doanh thu trong năm tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2017,  
trong khi đó chi phí giá vốn hàng bán tăng 6,67%, tốc độ tăng chi phí ít hơn tốc  
độ tăng doanh thu 1.83%, cho nên tỷ lệ lợi nhuận tăng lên.

Năm 2018, chi phí lãi vay giảm do công ty đã thanh toán giảm nợ gốc  
trong năm .

Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh  
nghiệp của Công ty năm 2018 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2017.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại  
đường dẫn: [trawaco.com.vn](http://trawaco.com.vn) ngày 28/03/2019.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu VT:

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

( Người đại diện pháp luật)

( Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Văn Quý





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
đã được kiểm toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
đã được kiểm toán





## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 35



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/12/2016.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSDC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Chiếm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Như Bình	Thành viên	Đến ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	
Ông Trương Hoàng Diệp	Thành viên	
Ông Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	
Ông Phạm Hữu Ba	Thành viên	Từ ngày 28/06/2018

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Như Bình	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/01/2018
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty từ 01/01/2018
Ông Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	

#### Ban kiểm soát

Ông Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng ban	
Bà Trần Diệp Xuân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên	Từ ngày 28/06/2018

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 35 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Phay nhất Ban Tổng Giám đốc

**NGUYỄN VĂN QUÝ**

Phó Tổng Giám đốc

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

ST. 10  
BAY  
CŨ  
QUÁN  
N  
PHI MINH



Số: 91 /BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, được lập ngày 18/03/2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



**Nguyễn Minh Tiến**  
Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số :  
0547-2018-152-1

**Kiểm toán viên**

**Cao Thị Hồng Nga**  
Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
0613-2018-152-1





### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	100		<b>22.084.756.194</b>	<b>23.657.733.119</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		<b>3.146.168.905</b>	<b>4.963.426.489</b>
1. Tiền	111	V.01	3.146.168.905	4.644.503.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	318.922.897
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>8.895.453.343</b>	<b>9.522.306.662</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	9.277.041.330	9.248.329.708
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	238.212.348	69.598.348
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	610.757.376	1.101.984.947
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(1.230.740.483)	(897.735.416)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		182.772	129.075
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.06	<b>10.043.133.946</b>	<b>8.782.083.099</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.043.133.946	9.041.526.446
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(259.443.347)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		-	<b>389.916.869</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	225.794.691
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	-	164.122.178
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

5213  
CÔNG  
TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT  
NƯỚC  
TRÀ VINH  
TP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	200		291.077.366.198	306.563.232.577
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		49.596.861	2.025.012.990
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.08	49.596.861	2.025.012.990
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		272.808.791.031	282.533.930.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	269.786.113.069	279.412.532.170
- Nguyên giá	222		393.034.578.368	385.285.459.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.248.465.299)	(105.872.927.199)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.022.677.962	3.121.398.356
- Nguyên giá	228		3.399.241.994	3.399.241.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(376.564.032)	(277.843.638)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		4.097.338.481	6.725.812.550
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.097.338.481	6.725.812.550
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		11.121.639.825	12.278.476.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	11.121.639.825	12.278.476.511
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		313.162.122.392	330.220.965.696

884-C  
GTY  
NHỮNG  
TỰ VÀ  
KẾ T  
M TOÁN  
VIỆT  
HỒ C



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>150.417.618.804</b>	<b>174.041.733.106</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.242.014.478</b>	<b>67.187.129.565</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.015.879.090	2.775.207.314
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.14	1.694.707.000	2.238.916.539
4. Phải trả người lao động	314		4.604.373.374	7.450.065.033
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.248.748.009	7.662.305.228
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	30.696.215.385	29.560.837.194
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	15.940.000.000	16.740.000.000
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		42.091.620	759.798.257
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.175.604.326</b>	<b>106.854.603.541</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	213.683.934	195.110.299
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	88.961.920.392	106.659.493.242
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>162.744.503.588</b>	<b>156.179.232.590</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>162.744.503.588</b>	<b>156.179.232.590</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.610.347.923	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.155.555.665	10.200.632.590
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.155.555.665	10.200.632.590
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>313.162.122.392</b>	<b>330.220.965.696</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thủy Trang

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên



Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	91.244.765.634	83.482.281.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.244.765.634	83.482.281.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	52.222.440.798	48.738.297.462
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.022.324.836	34.743.983.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	23.297.078	324.029.342
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	889.133.455	1.053.396.288
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		889.133.455	1.053.396.288
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	9.970.999.872	9.213.655.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	12.603.734.628	12.352.697.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.581.753.959	12.448.263.226
11. Thu nhập khác	31	VI.07	350.131.067	192.813.848
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.948.338.217	134.155.128
13. Lợi nhuận khác	40		(1.598.207.150)	58.658.720
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.983.546.809	12.506.921.946
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.827.991.144	2.520.058.020
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.155.555.665	9.986.863.926
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	764	684
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	764	684

Người lập biểu

Lê Thị Thủy Trang

Kế toán trưởng

Đào Thiện Duyên

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.983.546.809	12.506.921.946
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	17.474.258.494	17.305.577.253
- Các khoản dự phòng	03	73.561.720	1.157.178.763
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.297.078)	(324.029.342)
- Chi phí lãi vay	06	889.133.455	1.053.396.288
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	32.397.203.400	31.699.044.908
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.651.427.239	2.447.716.496
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.001.607.500)	(173.247.933)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.871.435.478)	(22.986.332.044)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.156.836.686	(1.224.998.025)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(899.713.455)	(1.034.563.003)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.365.784.777)	(2.496.065.139)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.961.845.808)	(3.894.301.537)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>24.105.080.307</b>	<b>2.337.253.723</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.120.644.930)	(21.930.155.082)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.051.089	324.029.342
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(5.089.593.841)</b>	<b>(21.606.125.740)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	953.600.219	2.557.572.850
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.451.173.069)	(10.940.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.335.171.200)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(20.832.744.050)</b>	<b>(8.382.427.150)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(1.817.257.584)</b>	<b>(27.651.299.167)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.963.426.489	32.614.725.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>3.146.168.905</b>	<b>4.963.426.489</b>

Người lập biểu



Lê Thị Thùy Trang

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên



Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/12/2016.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSDC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, không có thay đổi bất thường gì ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Cầu Ngang – Trà Cú
- Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè
- Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ
- Chi nhánh cấp nước TX Duyên Hải
- Trạm cấp nước TT Trà Cú
- Trạm cấp nước TT Cầu Kè
- Trạm cấp nước TT Châu Thành
- Xí nghiệp quản lý Thoát nước
- Xí nghiệp Cấp nước



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nội doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **16. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**Bộ phận theo khu vực địa lý:** Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **17. Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	3.768.451	22.028.538
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.142.400.454	4.622.475.054
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	-	318.922.897
<b>Cộng</b>	<b>3.146.168.905</b>	<b>4.963.426.489</b>
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Nam Tân	701.326.452	701.326.452
Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội-DA Lia 5,6,7	197.399.249	197.399.249
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Trà Vinh	291.937.000	110.936.000
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành	126.139.280	82.746.001
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.960.239.349	8.155.922.006
<b>Cộng</b>	<b>9.277.041.330</b>	<b>9.248.329.708</b>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan Không phát sinh		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Hân Minh	59.148.348	59.148.348
Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam	97.625.000	-
Công ty CP Nước và Môi trường Hoàng Gia	37.439.000	-
Trả trước cho người bán khác	44.000.000	10.450.000
<b>Cộng</b>	<b>238.212.348</b>	<b>69.598.348</b>
4. Phải thu khác	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	610.757.376	1.101.984.947
Tạm ứng	60.315.000	30.195.000
Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10	398.344.740	398.344.740
Ông Huỳnh Anh Dũng	88.508.116	88.508.116
Chi phí nước thải	-	502.993.722
Chi phí súc rửa tuyến ống cấp nước sinh hoạt	-	38.455.043
Lãi dự thu ngân hàng	-	7.754.011
Các khoản phải thu khác	63.589.520	35.734.315
b) Dài hạn	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>610.757.376</b>	<b>1.101.984.947</b>

1388  
CÔNG T  
NHẬN B  
VỤ T  
ĐNH K  
GIẾM T  
AM VI  
P. HC



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	<b>1.792.294.877</b>	<b>(1.230.740.483)</b>	<b>1.441.365.370</b>	<b>(897.735.416)</b>
Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội-ĐA Lía 5,6,7	197.399.249	(128.247.800)	90.557.399	(64.339.860)
Công ty CP Nam Tân	701.326.452	(690.492.530)	689.376.237	(483.955.462)
Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10	398.344.740	(152.334.164)	398.344.740	(152.334.164)
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành	123.360.980	(70.106.695)	82.746.001	(41.373.001)
Ông Huỳnh Anh Dũng	88.508.116	(88.508.116)	88.508.116	(88.508.116)
Các khoản phải thu khác	283.355.340	(101.051.178)	91.832.877	(67.224.813)
<b>Cộng</b>	<b>1.792.294.877</b>	<b>(1.230.740.483)</b>	<b>1.441.365.370</b>	<b>(897.735.416)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.043.133.946	-	8.712.596.306	(259.443.347)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	328.930.140	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>10.043.133.946</b>	<b>-</b>	<b>9.041.526.446</b>	<b>(259.443.347)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>7. Chi phí trả trước</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
a) Ngắn hạn	-	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	-
b) Dài hạn	<b>11.121.639.825</b>	<b>12.278.476.511</b>
Chi phí lắp đặt ống nhánh, thủy lượng kế	5.520.058.611	5.288.450.506
Chi phí thay thế đồng hồ nước định kỳ	2.793.863.268	3.826.449.205
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.666.898.734	1.346.720.225
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	740.073.781	1.109.189.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	400.745.431	707.667.351
<b>Cộng</b>	<b>11.121.639.825</b>	<b>12.278.476.511</b>
<b>8. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn kinh doanh Dự án Nhà máy nước		
+ Thị trấn Trà Cú - Chi phí BQL Dự án	-	166.343.809
+ Thị trấn Cầu Kè	49.596.861	49.596.861
+ Thành phố Trà Vinh	-	1.809.072.320
<b>Cộng</b>	<b>49.596.861</b>	<b>2.025.012.990</b>





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu năm	76.750.200.417	63.159.398.169	231.235.811.144	11.163.896.358	2.976.153.281	385.285.459.369
Số tăng trong năm	33.014.470	1.501.440.835	6.212.636.738	2.026.956	-	7.749.118.999
- Mua trong năm	-	1.467.213.350	6.094.955.649	-	-	7.562.168.999
- Tăng khác (*)	33.014.470	34.227.485	117.681.089	2.026.956	-	186.950.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	76.783.214.887	64.660.839.004	237.448.447.882	11.165.923.314	2.976.153.281	393.034.578.368
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	20.007.605.779	22.250.782.573	58.420.061.244	4.415.722.044	778.755.559	105.872.927.199
Số tăng trong năm	3.146.188.054	4.274.584.536	8.786.474.636	1.043.741.842	124.549.032	17.375.538.100
- Khấu hao trong năm	3.146.188.054	4.274.584.536	8.786.474.636	1.043.741.842	124.549.032	17.375.538.100
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.153.793.833	26.525.367.109	67.206.535.880	5.459.463.886	903.304.591	123.248.465.299
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
Tại ngày đầu năm	56.742.594.638	40.908.615.596	172.815.749.900	6.748.174.314	2.197.397.722	279.412.532.170
Tại ngày cuối năm	53.629.421.054	38.135.471.895	170.241.912.002	5.706.459.428	2.072.848.690	269.786.113.069

(\*) Điều chỉnh Nguyên giá TSCĐ theo giá trị quyết toán công trình.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

	31/12/2018	01/01/2018
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	15.160.691.926	13.978.187.357
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	155.233.855.225	105.626.303.012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu năm	3.174.790.024	224.451.970	3.399.241.994
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.174.790.024</b>	<b>224.451.970</b>	<b>3.399.241.994</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	162.094.834	115.748.804	277.843.638
Số tăng trong năm	77.579.088	21.141.306	98.720.394
- Khấu hao trong năm	77.579.088	21.141.306	98.720.394
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>239.673.922</b>	<b>136.890.110</b>	<b>376.564.032</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
Tại ngày đầu năm	3.012.695.190	108.703.166	3.121.398.356
Tại ngày cuối năm	2.935.116.102	87.561.860	3.022.677.962

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.353.208.611 đồng.

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4.097.338.481</b>	<b>6.725.812.550</b>
+ Thi công tuyến ống phân phối	333.243.216	906.958.528
+ Dự án đầu tư cấp nước xã H. Tân, C. Diên & Thị trấn Cầu Kè	3.683.652.375	3.683.652.375
+ Dự án cải tạo trạm cấp nước Cầu Kè	-	2.135.201.647
+ Hệ thống xử lý CLN NM Nước TP. Trà Vinh	76.072.890	-
+ Dự án HT xử lý nguồn nước mặt sông Láng Thè	4.370.000	-
Mua sắm TSCĐ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.097.338.481</b>	<b>6.725.812.550</b>

0521  
CÔ  
VCH N  
ICB V  
CHÍNH  
Ả KH  
NAM  
TP.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018				01/01/2018			
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.000.000.000	3.000.000.000	-		3.000.000.000	3.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải (*)	20%	3.000.000.000	3.000.000.000	-	20%	3.000.000.000	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100542338 đăng ký ngày 20/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Vốn điều lệ 15 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải số tiền 3 tỷ đồng tương đương 20% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.015.879.090</b>	<b>2.015.879.090</b>	<b>2.775.207.314</b>	<b>2.775.207.314</b>
Công ty Cổ phần Nước Lành	6.493.645	6.493.645	272.437.536	272.437.536
Công ty TNHH TV XD hạ tầng KT & Môi trường Thanh Hưng	90.623.000	90.623.000	90.623.000	90.623.000
Tổng Công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	-	2.152.000.000	2.152.000.000
Công ty TNHH TM-DV-KT Đức Hùng	277.717.000	277.717.000	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	144.506.197	144.506.197	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	198.000.000	198.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hòa chất Việt Nam	194.400.000	194.400.000	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Ô tô Thành Công	578.000.000	578.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	526.139.248	526.139.248	260.146.778	260.146.778

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

Không phát sinh

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	154.585.599	-	1.338.703.860	1.064.652.603	-	119.465.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	186.760.516	2.827.991.144	2.365.784.777	-	648.966.883
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.090.024	407.748.837	407.488.861	-	1.350.000
Thuế tài nguyên	-	233.776.000	2.982.769.500	2.966.847.750	-	249.697.750
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.536.579	-	24.288.661	14.752.082	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.817.289.999	6.964.566.924	8.106.630.214	-	675.226.709
<b>Cộng</b>	<b>164.122.178</b>	<b>2.238.916.539</b>	<b>14.557.068.926</b>	<b>14.937.156.287</b>	<b>-</b>	<b>1.694.707.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<b>15. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	76.807.557	87.387.557
Chi phí dự án Tiểu Cần - Cầu Quan	347.341.054	694.682.109
Chi phí dự án Nhà máy nước Thị trấn Duyên Hải	4.796.898.617	5.656.152.255
Chi phí dự án Trà Cú	186.970.250	668.783.594
Chi phí phải trả khác	840.730.531	555.299.713
<b>Cộng</b>	<b>6.248.748.009</b>	<b>7.662.305.228</b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>30.696.215.385</b>	<b>29.560.837.194</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	3.029.685	109.777
Cổ tức phải trả	10.974.296	-
Phải trả vốn ngân sách Nhà nước	20.774.666.499	20.774.666.499
Phải trả khác về cổ phần hóa	550.202.688	550.202.688
Chi phí nước thải	456.626.267	-
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	549.386.457	-
Khoản nhận viện trợ không hoàn lại phải nộp (*)	1.574.764.075	1.574.764.075
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN (*)	5.984.770.099	5.984.770.099
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	791.795.319	676.324.056
<b>b) Dài hạn</b>	<b>213.683.934</b>	<b>195.110.299</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	213.683.934	195.110.299
<b>Cộng</b>	<b>30.909.899.319</b>	<b>29.755.947.493</b>

(\*) Là các khoản Công ty phải nộp cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi có ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh và Bộ Tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	-	-	953.600.219	953.600.219	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.740.000.000	16.740.000.000	17.697.572.850	18.497.572.850	15.940.000.000	15.940.000.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Xử lý CLNN	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Tiểu Cần - Cầu Quan, Duyên Hải	800.000.000	800.000.000	1.757.572.850	2.557.572.850	-	-
<b>b) Dài hạn</b>						
Vay dài hạn	106.659.493.242	106.659.493.242	-	17.697.572.850	88.961.920.392	88.961.920.392
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Xử lý CLNN	4.718.150.000	4.718.150.000	-	2.140.000.000	2.578.150.000	2.578.150.000
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	69.802.268.010	69.802.268.010	-	10.000.000.000	59.802.268.010	59.802.268.010
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	30.381.502.382	30.381.502.382	-	3.800.000.000	26.581.502.382	26.581.502.382
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Tiểu Cần - Cầu Quan, Duyên Hải	1.757.572.850	1.757.572.850	-	1.757.572.850	-	-
<b>Cộng</b>	<b>123.399.493.242</b>	<b>123.399.493.242</b>	<b>18.651.173.069</b>	<b>37.148.745.919</b>	<b>104.901.920.392</b>	<b>104.901.920.392</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

\* Chi tiết các khoản vay:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Cộng	Phương thức đảm bảo
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	02/2013/HĐVV-QĐTPT ngày 09/05/2013	8 năm	8%/năm	2.578.150.000	2.140.000.000	4.718.150.000	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 24/08/2012	15 năm	0,3%/năm	59.802.268.010	10.000.000.000	69.802.268.010	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	20/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 26/08/2013	15 năm	0,3%/năm	26.581.502.382	3.800.000.000	30.381.502.382	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Cộng				88.961.920.392	15.940.000.000	104.901.920.392	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	145.978.600.000	6.039.637.027	-	213.768.664	152.232.005.691
Tăng vốn do nhận viện trợ		1.574.764.075			1.574.764.075
Điều chỉnh theo quyết định của thanh tra		(54.866.928)			(54.866.928)
Lợi nhuận trong năm				9.986.863.926	9.986.863.926
Số dư cuối năm trước	145.978.600.000	7.559.534.174	-	10.200.632.590	163.738.766.764
Số dư đầu năm nay	145.978.600.000	-	-	10.200.632.590	156.179.232.590
Lợi nhuận trong năm				11.155.555.665	11.155.555.665
Trả cổ tức năm 2017				(2.346.145.496)	(2.346.145.496)
Trích Quỹ đầu tư phát triển			5.610.347.923	(5.610.347.923)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.040.126.518)	(2.040.126.518)
Thưởng Ban điều hành				(204.012.653)	(204.012.653)
Số dư cuối năm nay	145.978.600.000	-	5.610.347.923	11.155.555.665	162.744.503.588



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018
		VND		VND
Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	82,34%	120.196.600.000	82,34%	120.196.600.000
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng	10,00%	14.598.540.000	10,00%	14.598.540.000
Công ty CP Rynan Technologies Vietnam	5,07%	7.401.460.000	5,07%	7.401.460.000
Vốn góp của các đối tượng khác	2,59%	3.782.000.000	2,59%	3.782.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>145.978.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>145.978.600.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	145.978.600.000	145.978.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	145.978.600.000	145.978.600.000

d) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
	Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.597.860
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Tài sản nhận giữ hộ bao gồm:**

Giá trị còn lại Đài nước 500m<sup>3</sup> phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, và đường nội bộ: 93.180.643 đồng. Tuy nhiên hai tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>91.244.765.634</b>	<b>83.482.281.007</b>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	83.771.105.900	76.939.437.180
Doanh thu thoát nước via hệ	5.660.872.000	4.571.153.000
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	154.595.948	186.019.176
Doanh thu xây lắp	1.445.548.648	1.485.697.601
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.643.138	299.974.050
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>		
Không phát sinh		
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	47.997.562.054	44.854.287.064
Giá vốn thoát nước via hệ	2.169.641.371	2.313.966.327
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	132.820.033	132.781.779
Giá vốn xây lắp	1.771.601.385	1.300.653.548
Giá vốn cung cấp dịch vụ	150.815.955	136.608.744
<b>Cộng</b>	<b>52.222.440.798</b>	<b>48.738.297.462</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.297.078	24.029.342
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.297.078</b>	<b>324.029.342</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền vay	889.133.455	1.053.396.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>Cộng</b>	<b>889.133.455</b>	<b>1.053.396.288</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

5. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	44.339.000	17.500.454
Chi phí nhân công	3.675.126.953	3.520.271.687
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.638.561.903	4.992.606.950
Chi phí khấu hao	185.374.772	259.406.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.262.275	165.679.234
Chi phí khác bằng tiền	199.334.969	258.190.643
<b>Cộng</b>	<b>9.970.999.872</b>	<b>9.213.655.638</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	562.340.598	581.378.154
Chi phí nhân công	7.813.068.494	7.404.018.467
Chi phí khấu hao	532.259.653	499.088.045
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	333.005.067	897.735.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.765.647	600.099.215
Chi phí khác bằng tiền	2.131.295.169	2.370.378.438
<b>Cộng</b>	<b>12.603.734.628</b>	<b>12.352.697.735</b>
7. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Lắp đặt thủy lượng kế, khảo sát vận chuyển	193.699.633	152.172.752
Thu cho thuê văn phòng	21.818.180	21.818.180
Hoàn nhập tiền chậm nộp phí bảo vệ môi trường	89.058.396	-
Thu tiền vật tư, nhân công và ống bê	37.080.890	3.405.020
Thu nhập khác	8.473.968	15.417.896
<b>Cộng</b>	<b>350.131.067</b>	<b>192.813.848</b>
8. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	245.911	35.190.078
Chi phí Dự án ngưng hoạt động	1.888.755.000	-
Khoản phạt chậm nộp phí bảo vệ môi trường	-	89.058.396
Chi phí khác	59.337.306	9.906.654
<b>Cộng</b>	<b>1.948.338.217</b>	<b>134.155.128</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.983.546.809	12.506.921.946
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	156.408.911	93.368.152
- Các khoản điều chỉnh tăng	156.408.911	393.368.152
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	156.408.911	393.368.152
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(300.000.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	(300.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	14.139.955.720	12.600.290.098
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	2.827.991.144	2.520.058.020

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.155.555.665	9.986.863.926
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.155.555.665	9.986.863.926
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.597.860	14.597.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	684
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	764	684

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2018.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.332.100.833	19.568.664.942
Chi phí nhân công	22.704.703.569	24.782.697.392
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.474.258.494	17.305.577.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.495.250.654	1.673.514.126
Chi phí khác bằng tiền	7.461.931.608	7.089.536.262
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.468.245.158</b>	<b>70.419.989.975</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.038.733.622	1.810.650.314

**2. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.146.168.905	-	4.963.426.489	-
Phải thu khách hàng	9.277.041.330	(973.909.877)	9.248.329.708	(640.904.810)
Phải thu khác	848.969.724	(256.830.606)	1.171.583.295	(256.830.606)
<b>Cộng</b>	<b>13.272.179.959</b>	<b>(1.230.740.483)</b>	<b>15.383.339.492</b>	<b>(897.735.416)</b>

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	104.901.920.392	123.399.493.242
Phải trả người bán	2.015.879.090	2.775.207.314
Chi phí phải trả	6.248.748.009	7.662.305.228
Phải trả khác	36.995.295.759	39.249.818.766
<b>Cộng</b>	<b>150.161.843.250</b>	<b>173.086.824.550</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4. Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.09, V.10 và V.17). Tại thời điểm 31/12/2018 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

**5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>61.199.922.858</b>	<b>88.961.920.392</b>	<b>150.161.843.250</b>
Các khoản vay	15.940.000.000	88.961.920.392	104.901.920.392
Phải trả người bán	2.015.879.090	-	2.015.879.090
Chi phí phải trả	6.248.748.009	-	6.248.748.009
Phải trả khác	36.995.295.759	-	36.995.295.759
<b>Số đầu năm</b>	<b>66.427.331.308</b>	<b>106.659.493.242</b>	<b>173.086.824.550</b>
Các khoản vay	16.740.000.000	106.659.493.242	123.399.493.242
Phải trả người bán	2.775.207.314	-	2.775.207.314
Chi phí phải trả	7.662.305.228	-	7.662.305.228
Phải trả khác	39.249.818.766	-	39.249.818.766



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh kiểm toán, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 là số liệu của đơn vị cung cấp.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2017	Số liệu tại ngày 01/01/2018 (Trình bày lại)	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	59.627.595.391	67.187.129.565	7.559.534.174
Phải trả ngắn hạn khác	22.001.303.020	29.560.837.194	7.559.534.174
Vốn chủ sở hữu	163.738.766.764	156.179.232.590	(7.559.534.174)
Vốn khác của chủ sở hữu	7.559.534.174	-	(7.559.534.174)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm 2018 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Lê Thị Thủy Trang

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019





Số: 13 /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số ...../NQ-HĐQT đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày .....

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ	Thành tiền
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	1.673.333.350
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	23%	2.565.777.803
3	Quỹ thưởng người quản lý	2%	223.111.113
4	Chia cổ tức tối thiểu 4,5%/Vốn điều lệ	58,89%	6.569.037.000
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối của năm 2018		124.296.399
	<b>Tổng cộng</b>		<b>11.155.555.665</b>

(\*) Căn cứ quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập, công ty quyết định phân bổ 70% thành quỹ khen thưởng và 30% quỹ phúc lợi cho người lao động

❖ **Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất các vấn đề sau:**

a) Đối với khoản tiền cổ tức của năm 2018:

- Ngày chốt danh sách chia cổ tức cho cổ đông: Trong Quý 3 năm 2019.

- Đối với cổ đông đã thực hiện đăng ký lưu ký qua Trung tâm lưu ký

chứng khoán: Sẽ do Trung tâm lưu ký chứng khoán chuyên trả cổ tức vào tài khoản cá nhân đã mở.

- Đối với cổ đông chưa thực hiện đăng ký lưu ký: Công ty sẽ thực hiện chi trả dưới hai hình thức là chuyển khoản qua tài khoản của tổ chức/cá nhân cổ đông hoặc chi trả bằng tiền mặt.

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

b) Đối với khoản tiền cổ tức của năm 2017 còn lại chưa chi trả do số lẻ là 10.487.896 đồng, không thực hiện trả cho cổ đông nữa mà sẽ chuyển vào khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để giữ lại bổ sung cho các năm sau.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRƯƠNG CÔNG CHIÊM**



Số: M /TTr-CTN

Trà Vinh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

## TỜ TRÌNH

### V/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 15/11/2016;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

#### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	11.145.000
2	Tổng doanh thu	đồng	96.870.000.000
3	Tổng chi phí	đồng	82.491.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	đồng	14.379.000.000
5	Thuế TNDN	đồng	2.875.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	11.503.200.000

#### 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Kế hoạch 2019
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	1.725.480.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23%	2.645.736.000
3	Quỹ thưởng người quản lý Công ty	2%	230.064.000
4	Dự kiến chia cổ tức tối thiểu 4,7%/Vốn điều lệ	59,64%	6.860.994.200
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		

- Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối chuyển sang	134.784.295
- Lợi nhuận năm 2019 còn lại sau khi trích quỹ	40.925.800

- Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thường đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích theo tỷ lệ % trên, và tổng số tiền trích quỹ không vượt quá 1,5 tháng lương bình quân thực hiện đối với người quản lý và 3 tháng lương bình quân thực hiện đối với người lao động.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRƯƠNG CÔNG CHIÊM**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

Số: 01 /TTR-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày 09 tháng 03 năm 2019

### **TỜ TRÌNH**

Về việc lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo soát xét  
và Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019.

Để việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 có chất lượng, đảm bảo cung cấp thông tin xác thực về tình hình tài chính của Công ty; Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm các đơn vị kiểm toán sau đây:

**1. Công ty TNHH Kiểm toán Đất Việt**

Địa chỉ: Số 02 Huỳnh Khương Ninh, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt**

Địa chỉ: Số 33 Phan Văn Khỏe, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Địa chỉ: Số 29 Hoàng Sa, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cả 03 đơn vị nêu trên đều đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính; Ban kiểm soát thống nhất đề xuất Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt là đơn vị đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2018 để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình .

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nghiêm Ngọc Tiên**

Số: 15 /TTr -CTN

Trà Vinh, ngày 12 tháng 4 năm 2019

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị,  
Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên ban kiểm soát không chuyên trách năm 2019 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị: 4.500.000đồng/ tháng
2. Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000đồng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
  
**Trương Công Chiêm**



Số: 16/TTr-HĐQT

Trà Vinh, ngày 12 tháng 04 năm 2019

### **TỜ TRÌNH**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung  
của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh;

Căn cứ Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Tại Điều 3, khoản 1 của Dự thảo Điều lệ Công ty:

#### **Điều 3. Người đại diện pháp luật của Công ty**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là 02 người:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - Tổng giám đốc.

2. Tại Điều 28, Khoản 3, điểm c của Dự thảo Điều lệ Công ty:

#### **Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:**

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 2 tỷ đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

3. Tại Điều 33 của Dự thảo Điều lệ Công ty:

#### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**





Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý được tổ chức và lãnh đạo bởi Hội đồng quản trị gồm: Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (Trưởng, phó phòng, ban, chi nhánh, xí nghiệp). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

4. Tại Điều 34, Khoản 3, điểm a, b, f của Dự thảo Điều lệ Công ty:

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

...

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

...

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị bằng văn bản để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

...

5. Tại Điều 39, Khoản 5, điểm a, b của Dự thảo Điều lệ Công ty:

**Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

...

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực





bảng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**TRƯƠNG CÔNG CHIÊM**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



# ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

-  521B, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP. Trà Vinh
-  (0294) 3840 215
-  (0294) 3850 656
-  [trawacotv@gmail.com](mailto:trawacotv@gmail.com)
-  <http://trawaco.com.vn>

Trà Vinh, ngày tháng 04 năm 2019



## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY. 6	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu.....	9
Điều 11. Thu hồi cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 17. Đại diện theo ủy quyền.....	16
Điều 18. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông... 18	
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông... 20	
Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22



Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	25
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>26</b>
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	27
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	27
Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	29
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	30
Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	30
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	33
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	<b>34</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	34
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	34
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>36</b>
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	36
Điều 36. Kiểm soát viên .....	36
Điều 37. Ban kiểm soát.....	37
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	<b>38</b>
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng .....	38
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	38
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	39
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....	<b>40</b>
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	40
<b>XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI</b> .....	<b>41</b>
Điều 42. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty .....	41
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....	<b>41</b>
Điều 43. Phân phối lợi nhuận.....	41
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b> .....	<b>42</b>



Điều 44. Tài khoản ngân hàng .....	42
Điều 45. Năm tài chính.....	42
Điều 46. Chế độ kế toán .....	43
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>43</b>
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	43
Điều 48. Báo cáo thường niên.....	44
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>44</b>
Điều 49. Kiểm toán.....	44
<b>XVII. CON DẤU .....</b>	<b>44</b>
Điều 50. Con dấu.....	44
<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>44</b>
Điều 51. Chấm dứt hoạt động.....	44
Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 53. Thanh lý.....	45
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>46</b>
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	46
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>46</b>
Điều 55. Điều lệ công ty.....	46
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>47</b>
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	47



Dự thảo đóng góp lần 2

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa lần 1 theo Thông tư 95/2017/TT-BTC, ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày .....tháng 04 năm 2019;

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
  - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
  - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.





## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: TRA VINH WATER SUPPLY & DRAINAGE JOINT STOCK COMPANY.

- Tên Công ty viết tắt: TRAWACO

2. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

- Điện thoại: 0294.3840215

- Fax: 0294-3850656

- E-mail:

- Website: trawaco.com.vn

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện pháp luật của Công ty**

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là 02 người:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc.

2. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh.
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước.
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước; Thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước.
- Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ.
- Dịch vụ thoát nước cộng đồng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
- Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng.
- Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai.
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty là quản lý sản xuất, phân phối nước sạch.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP





## **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 145.978.600.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 14.597.860 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ





phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu**

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định tại điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

### **Điều 11. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.





3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 1 Điều 9 Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán (các khoản tiền có liên quan) và lãi phát sinh theo tỷ lệ không quá tỷ lệ lãi suất của ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 13. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ đông phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;





## Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; trừ trường hợp mua cổ phần ưu đãi khi cổ phần hóa như cổ phần bán cho cổ đông chiến lược, cổ phần ưu đãi bán cho người lao động có cam kết làm việc lâu dài tại công ty, cổ phần ưu đãi bán cho công đoàn phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 và Điều 35 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 4 Điều này;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;





- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
5. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết:
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do công ty quy định.
    - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
      - Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 5a Điều này;
      - Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5c Điều này.
    - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.
6. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
- Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
    - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
      - Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 6a Điều này;
      - Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;
      - Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 6c Điều này.
    - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
7. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.





#### **Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

#### **Điều 15. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.





2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này





có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;





k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 17. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hoặc có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.





Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 18. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 13 và Điều 15 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các





vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;





- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo khoản 1 điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo khoản 2 điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu





quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

**Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.





6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;





Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.





2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:





- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;





f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.





2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.





3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Nghỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền





## Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:





## Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 2 tỷ đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 100 triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
  - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

### **Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo





thường niên của Công ty. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất





năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.





Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng





quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của





tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý được tổ chức và lãnh đạo bởi Hội đồng quản trị gồm: Tổng giám đốc, các phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (Trưởng, phó phòng, ban, chi nhánh, xí nghiệp). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc như sau:

- a. Thường trú tại Việt Nam
- b. Có năng lực kinh doanh, kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty và quản lý doanh nghiệp.
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
- d. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.





3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị bằng văn bản để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của nguồn vốn phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.





## IX. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:





- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 37. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quy định như sau:





- a. Tiền lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định và không hưởng thù lao;
- b. Thành viên BKS không chuyên trách được hưởng thù lao;
- c. Tổng mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát do Ban kiểm soát xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- d. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty,





bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc,





người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

### Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu





khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## XII. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

### Điều 42. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Công ty hình thành và hoạt động theo Cương lĩnh, Điều lệ và các Quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty gồm: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và theo Điều lệ của từng tổ chức.

3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, điều kiện tài chính cần thiết khác để người lao động tham gia vào các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và hoạt động theo những quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Tổng Giám đốc phải thông qua Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng đề Hội đồng quản trị thông qua Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức chính trị và chính trị xã hội tại Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Đảng ủy Công ty lãnh đạo doanh nghiệp thông qua đảng viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, đảng viên và quần chúng lao động.

## XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật về kế toán tài chính và đề xuất theo tờ trình của hội đồng quản trị.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.





3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 44. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 45. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu





từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

**Điều 46. Chế độ kế toán**

1. Công ty sử dụng chế độ kế toán Việt Nam.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.





## **Điều 48. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 49. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 50. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định tại Điều 44 Luật Doanh nghiệp.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 51. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;





- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 52. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 53. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;





e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 55. Điều lệ công ty**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc Điều lệ đã đề cập nhưng chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này



thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 56. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh nhất trí thông qua ngày.....tháng..... năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**BIÊN BẢN**

*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019*  
*Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh*

**I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM**

- **Thời gian:** Vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 04 năm 2019.
- **Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, số 521B, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**II. THÀNH PHẦN**

- Cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
- Chủ sở hữu:
  - + Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh
  - + Văn phòng UBND Tỉnh
- Khách mời tham dự Đại hội:
  - + Đại diện Lãnh đạo Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
  - + Đại diện Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh

**III. NỘI DUNG:**

**A. PHÂN NGHI THỨC ĐẠI HỘI**

**1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự:**

**2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự đại hội do Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập, gồm các ông (bà) như sau:

- Ông (Bà): ..... – Trưởng ban
- Bà: ..... – Thành viên
- Bà: ..... – Thành viên

Ông ....., Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tới thời điểm ..... giờ ..... phút ngày 25/04/2019 như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 14.597.860 cổ phần.
- Tổng số ..... Cổ đông và người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội, đại diện cho ..... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Dựa trên kết quả kiểm tra nêu trên, các Cổ đông và Người được ủy quyền tham dự Đại hội đã đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đảm bảo đủ điều kiện

để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

### **3. Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu**

#### **3.1 Chủ tọa đại hội:** Ông Trương Công Chiếm – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tọa đại hội chỉ định ..... thành viên tham gia điều hành đại hội gồm các ông (bà):

- Ông ..... - Thành viên HĐQT
- Ông ..... - Thành viên HĐQT
- Ông ..... - Thành viên HĐQT

#### **3.2 Ban Thư ký Đại hội:**

Chủ tọa đại hội chỉ định 02 người làm thư ký đại hội gồm các ông (bà):

- Ông: ..... - Trưởng Ban
- Bà: ..... - Thành viên

#### **3.3 Ban kiểm phiếu:**

Để giúp việc cho Chủ tọa đại hội thống kê các ý kiến biểu quyết của các cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội, Chủ tịch HĐQT đề nghị danh sách nhân sự ban kiểm phiếu như sau:

- Ông: ..... - Trưởng Ban
- Bà: ..... - Thành viên
- Ông: ..... - Thành viên

Đại hội đã thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT với tỷ lệ biểu quyết .....% đồng ý.

## **B. PHẦN NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI**

### **1. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.**

- Đại hội đã nghe Ông ....., thông qua dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

### **2. Thông qua Chương trình Đại hội.**

- Đại hội đã nghe Ông/Bà ....., thông qua dự thảo Chương trình Đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội như sau:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:



- + Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

### **3. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

#### **3.1. Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018**

- Đại hội đã nghe Ông **Trương Công Chiêm** trình bày Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018.

#### **3.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2018**

- Đại hội đã nghe ông **Nghiêm Ngọc Tiên** trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát công ty năm 2018.

### **4. Thông qua các tờ trình:**

Đại hội đã nghe ông ..... thông qua các tờ trình

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2018.
- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2019.
- Tờ trình về việc lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo soát xét và báo cáo tài chính năm 2019
- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

### **5. Đại hội thảo luận các nội dung Báo cáo của HĐQT, BKS và các tờ trình**

#### **5.1. Ý kiến của các cổ đông tham dự đại hội**

- Cổ đông -
- Cổ đông -
- Cổ đông -
- Cổ đông -
- Cổ đông -

#### **5.2. Chủ tọa đại hội trả lời các cổ đông:**

- Thống nhất theo ý kiến của Cổ đông...
- .....

### **6. Biểu quyết**

#### **6.1. Báo cáo của ban thẩm tra tư các cổ đông:**

- Tại thời điểm ...h, ... phút có .... Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện cho ..... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

## 6.2. Điều chỉnh nội dung các tờ trình (nếu có)

-“Nội dung tờ trình điều chỉnh” .....

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết :

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

## 6.3. Biểu quyết:

### 6.3.1 Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết

#### a) Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018

- Kết quả biểu quyết:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

#### b) Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2018

- Kết quả biểu quyết:

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

### 6.3.2 Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết

#### a) Cổ đông đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: ..... Phiếu biểu quyết đại diện ..... cổ phần, bằng .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết thu vào: ..... Phiếu biểu quyết, đạt .....% tương đương ..... cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: ..... Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ .....% trên tổng số phiếu thu vào.

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: ..... Phiếu biểu quyết

- Tổng số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): .... Phiếu biểu quyết.

#### b) Kết quả biểu quyết:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018.



+ Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

- Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát năm 2019.

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

- Tờ trình thông qua việc lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo soát xét và báo cáo tài chính năm 2019

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

## **7. Phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Tỉnh**

Đại hội đã nghe Ông (bà)..... –Chức vụ:.....  
phát biểu ý kiến chỉ đạo trước đại hội.

## **8. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Đại hội đã nghe Ông Trương Công Chiếm – Chủ tịch HĐQT tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Tỉnh và cam kết trước đại hội.

## **9. Thông qua Biên bản Đại hội.**

Đại hội đã nghe Ông (bà)....., Trưởng Ban thư ký Đại hội thông qua các nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung của Biên bản Đại hội như sau:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết:

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

### **10. Thông qua Nghị quyết Đại hội**

Đại hội đã nghe Ông (bà)....., Trưởng Ban thư ký thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội như sau:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết:

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: ..... cổ phần, đạt tỷ lệ .....%

### **III. KẾT LUẬN**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết đồng ý.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh kết thúc vào lúc 17 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản Đại hội và Nghị quyết đại hội sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.trawaco.com.vn> ./.

**BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

\_\_\_\_\_  
*Trưởng Ban*

\_\_\_\_\_  
*Thành viên*

\_\_\_\_\_  
**Trương Công Chiêm**  
*Chủ tịch Hội đồng quản trị*



Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Trà Vinh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/QH13/2014 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh ngày 25 tháng 04 năm 2019;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

**QUYẾT NGHỊ**

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, với tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, với tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, với tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu và kết quả kinh doanh năm 2018:

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>
- Tài sản ngắn hạn	22.084.756.194
- Tài sản dài hạn	291.077.366.198
<b>Tổng tài sản</b>	<b>313.162.122.392</b>
- Nợ phải trả	150.417.618.804
- Nguồn vốn chủ sở hữu	162.744.503.588
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>313.162.122.392</b>
- Tổng doanh thu và thu nhập khác	91.618.193.779
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	13.983.546.809
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.155.555.665
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>764</b>

4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018, với tỷ lệ ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

STT	Nội dung vấn đề	Đơn vị	Tỷ lệ %	Số tiền
<b>I</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Đồng</b>		<b>145.978.600.000</b>
	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN	Đồng		11.155.555.665
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận phân phối</b>	<b>Đồng</b>		<b>11.031.259.266</b>
<b>III</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>Đồng</b>		
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	15%	1.673.333.350
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động (*)	Đồng	23%	2.565.777.803
	- Quỹ thưởng người quản lý công ty	Đồng	2%	223.111.113
<b>IV</b>	<b>Cổ tức chia cho cổ đông (**)</b>	<b>Đồng</b>		<b>6.569.037.000</b>
	- Từ lợi nhuận năm 2018	Đồng	58,89%	6.569.037.000
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối chuyển sang năm tiếp theo</b>	<b>Đồng</b>		<b>124.296.399</b>
<b>VI</b>	<b>Cổ tức còn lại của năm 2017 chuyển sang Lợi nhuận chưa phân phối bổ sung sang năm tiếp theo</b>	<b>Đồng</b>		<b>10.487.896</b>

(\*) Trích 30 % Quỹ phúc lợi và 70 % Quỹ khen thưởng.

(\*\*) Chia cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ .....% mệnh giá ( đ/cổ phần).

5. Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, với tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng nước tiêu thụ (m3)		11.145.000
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác		96.870.000.000
3	Tổng chi phí		82.491.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN		14.379.000.000
5	Thuế TNDN		2.875.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.503.200.000
7	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
7.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	15%	1.725.480.000
7.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	23%	2.645.736.000



7.3	Trích quỹ thưởng người quản lý (**)	2%	230.064.000
7.4	Trả cổ tức tối thiểu 4,7%/vốn điều lệ	59,64%	6.860.994.200
7.5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ		40.925.800
8	Vốn điều lệ		145.978.600.000
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		7,88%

(\*)(\*\*) Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích theo tỷ lệ % trên, và tổng số tiền trích quỹ không vượt quá 1,5 tháng lương bình quân thực hiện đối với người quản lý và 3 tháng lương bình quân thực hiện đối với người lao động

6. Thông qua tờ trình lựa chọn kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính năm 2019.

Tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua tờ trình thù lao thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát năm 2019, với tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 4.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng

8. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, với tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất .....% của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25/04/2019./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

**TRƯƠNG CÔNG CHIÊM**



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**



# THẺ BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

Mã số biểu quyết:





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH  
(TRAWACO)



-----o0o-----

**PHIẾU BIỂU QUYẾT  
NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH**

Mã cổ đông:

Tên cổ đông:

Số CP sở hữu + đại diện: ..... CP

Tổng số quyền được biểu quyết: ..... CP

NỘI DUNG	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.			
2. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2018			
3. Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh.			
4. Thông qua tờ trình thủ lao TV HDQT, BKS năm 2019			
5. Thông qua tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện Báo cáo tài chính năm 2019			
6. Thông qua tờ trình việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty.			

TP. Trà Vinh, ngày 25 tháng 04 năm 2019  
**CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lưu ý:**

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (  )
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn (  ) và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới (  )
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (  )
- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

**Ghi chú:**

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 – TRAWACO.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
  - + Phiếu không do TRAWACO phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của TRAWACO trên phiếu).
  - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.
  - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.
  - + Phiếu không in thông tin cổ đông.